

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI
KHOA QUẢN TRỊ NHÂN LỰC**



**BẢN MÔ TẢ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC
NĂM 2017**



Hà Nội, 2017

MỤC LỤC

LỜI GIỚI THIỆU.....	4
PHẦN 1: MÔ TẢ CHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	5
1.1. Giới thiệu chương trình đào tạo.....	5
1.2. Thông tin chung	6
1.3. Sứ mạng, tầm nhìn và giá trị cốt lõi của Khoa Quản trị nhân lực.....	6
1.3.1. Sứ mạng.....	6
1.3.2. Tầm nhìn	7
1.3.3. Giá trị cốt lõi:.....	7
1.4. Mục tiêu chương trình	7
1.5. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	7
1.5.1. Yêu cầu về kiến thức	7
1.5.2. Yêu cầu về kỹ năng.....	8
1.5.3. Yêu cầu về thái độ.....	9
1.6. Vị trí việc làm của người học sau khi tốt nghiệp	9
1.6.1. Làm việc phù hợp và tốt tại các bộ phận sau của tổ chức, doanh nghiệp.....	9
1.6.2. Các loại hình tổ chức, doanh nghiệp có khả năng và cơ hội làm việc làm việc phù hợp	10
1.7. Tiêu chí tuyển sinh, quy trình đào tạo học thuật, yêu cầu tốt nghiệp	10
1.7.1. Tiêu chí tuyển sinh.....	10
1.7.2. Quá trình đào tạo.....	10
1.7.3. Điều kiện tốt nghiệp.....	11
1.8. Phương pháp giảng dạy, học tập	11
1.8.1. Phương pháp giảng dạy	11
1.8.2. Phương pháp học tập	12
1.9. Phương pháp đánh giá	12
1.9.1. Đánh giá điểm chuyên cần:.....	12
1.9.2. Đánh giá điểm đổi mới phương pháp	12
1.9.3. Đánh giá bài kiểm tra và bài thi cuối học phần thi tự luận	12
PHẦN 2. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY.....	14
2.1. Cấu trúc	14
2.2. Lộ trình giảng dạy	14

2.3. Mô tả các học phần trong CTĐT	14
2.3.1. Kiến thức giáo dục đại cương (32TC).....	14
2.3.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (88TC).....	19
2.3.3. Thực tập và làm tốt nghiệp khóa học	28
2.4. Hoạt động ngoại khóa	29
2.4.1. Hoạt động ngoại khóa, phát triển kĩ năng và định hướng nghề nghiệp.....	29
2.4.2. Hoạt động NCKH	30
2.5. Hướng dẫn chương trình	30

LỜI GIỚI THIỆU

Khoa Quản trị nhân lực, trường Đại học Thương mại được thành lập theo quyết định số 402/QĐ-ĐHTM ngày 11 tháng 8 năm 2010 của Hiệu trưởng Nhà trường. Là một địa chỉ tin cậy trong đào tạo trình độ đại học, sau đại học và nghiên cứu khoa học ngành Quản trị nhân lực ở Việt Nam. Trong quá trình thực hiện mục tiêu và sứ mạng với phương châm "**Kết nối và Phát triển**" khoa Quản trị nhân lực tự hào nhận được nhiều danh hiệu thi đua và khen thưởng các cấp và dân khảng định được vị thế trong hệ thống các cơ sở giáo dục đào tạo ngành Quản trị nhân lực của Việt Nam.

Bản mô tả Chương trình đào tạo ngành Quản trị nhân lực năm 2017 (sau đây được gọi là CTĐT 2017) được thiết kế nhằm cung cấp những thông tin then chốt về CTĐT cho sinh viên hiện tại và tiềm năng, cựu sinh viên, đội ngũ giảng viên và nhân viên của Nhà trường, các nhà tuyển dụng.

Bản đặc tả CTĐT ngành Quản trị nhân lực 2017 tập trung vào giới thiệu những thông tin quan trọng như triết lý, sứ mạng, mục tiêu của ngành Quản trị nhân lực, giới thiệu chuẩn đầu ra của CTĐT 2017, cơ hội nghề nghiệp và học tập ở bậc cao sau khi tốt nghiệp, tiêu chuẩn tuyển chọn đầu vào, quá trình đào tạo, các điều kiện tốt nghiệp, các phương pháp dạy và học, các phương pháp đánh giá, hệ thống tính điểm, cấu trúc chương trình, danh sách các học phần, lộ trình học, giới thiệu tóm lược về các học phần và các ma trận cho thấy cách thức mà sinh viên đạt được các chuẩn đầu ra của CTĐT, phương pháp dạy - học, phương pháp đánh giá. Chương trình đào tạo năm 2017 có nhiều thay đổi quan trọng liên quan đến thực hiện mục tiêu đổi mới chương trình đào tạo, đáp ứng nhu cầu xã hội và phù hợp với bối cảnh mới.

PHẦN 1: MÔ TẢ CHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Giới thiệu chương trình đào tạo

Quản trị nhân lực đã ngày càng xác lập được vị trí của mình vào việc đóng góp cho các mục tiêu và sứ mạng của tổ chức. Lịch sử đã ghi nhận quá trình phát triển của quản trị nhân lực từ vị trí ban đầu thực hiện chức năng hành chính nhân sự cho đến nay đã được thừa nhận với vị trí giữ vai trò chính trong thực hiện kế hoạch chiến lược và tạo ra ưu thế cạnh tranh của tổ chức. Quản trị nhân lực là một khoa học những cũng là một lĩnh vực nghệ thuật quản trị phức tạp và đa dạng nhất. Am hiểu và thực hành có hiệu quả các hoạt động quản trị nhân lực luôn thách thức các nhà lãnh đạo có tâm và có tầm. Bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, quản trị nhân lực trong tổ chức đang dần thay đổi, hướng đến sự thích ứng với môi trường đa văn hóa, tuân thủ tiêu chuẩn lao động trở thành cam kết trong các định chế kinh tế khu vực và toàn cầu.

Chương trình đào tạo Quản trị nhân lực ra đời từ năm 2009, với mục đích cung cấp cho các tổ chức cùng với các chuyên gia nhân sự, các nhà quản trị nhân lực người có kiến thức, phẩm chất và năng lực phù hợp với nhu cầu của các hoạt động quản trị nhân lực trên thị trường toàn cầu. Sinh viên được trang bị kiến thức toàn diện về quản trị và quản trị nhân lực để theo đuổi các cơ hội nghề nghiệp trong các lĩnh vực và tổ chức khác nhau từ các doanh nghiệp trong ngoài nước, các tổ chức chính phủ, đoàn thể hay phi chính phủ... Kể từ đó chương trình đào tạo đã trải qua nhiều lần sửa chỉnh, bổ sung vào năm 2012 để ngày càng phù hợp hơn so với yêu cầu khoa học và thực tế.

Đến năm 2017, căn cứ vào: Quy định hiện hành về định kỳ rà soát, hoàn thiện và đổi mới chương trình đào tạo đáp ứng tốt hơn nhu cầu xã hội và người học; Quá trình tích lũy kiến thức, kinh nghiệm của đội ngũ giảng viên khoa Quản trị nhân lực; Các chương trình đào tạo của một trường đại học tiên tiến trên thế giới và của một số trường đại học Việt Nam như Trường Đại học Kinh tế quốc dân, Trường Đại học Lao động Xã hội; Kết quả khảo sát, nghiên cứu nhu cầu của người học, người sử dụng sinh viên tốt nghiệp, ý kiến chuyên gia trong ngành quản trị nhân lực; Xu hướng phát triển của khoa học quản trị nhân lực trong bối cảnh hội nhập;... Khoa Quản trị nhân lực đã tiến hành điều chỉnh chương trình đào tạo chuyên ngành Quản trị nhân lực năm 2017 so với phiên bản CTĐT năm 2012 theo hướng sau:

(1) Điều chỉnh khối lượng tín chỉ của chương trình đào tạo: 120 TC bao gồm các khối kiến thức: giáo dục đại cương, giáo dục chuyên nghiệp, thực tập và làm tốt nghiệp khóa học. Đồng thời điều chỉnh dung lượng và kết cấu các khối kiến thức theo quy định: Cấu trúc của học phần trong chương trình đào tạo bao gồm các học phần 2

TC (24,6); 3TC (36,9); Bổ sung, tăng số học phần tự chọn trong các khối kiến thức đảm bảo tỉ lệ 3HP chọn 1 HP;

(2) Bổ sung, thay thế một số học phần trong chương trình đào tạo nhằm tăng cường kiến thức, kỹ năng chuyên môn sâu và rộng; kỹ năng mềm, khả năng hội nhập của sinh viên (đó là các học phần: Nguyên lý quản lý kinh tế; Kinh tế nguồn nhân lực căn bản; Nguyên lý thống kê; Quản lý nguồn nhân lực xã hội; Lao động và việc làm; Quản trị nhân lực quốc tế; Quản trị nhân lực công; An sinh xã hội; Quản trị thời gian; Quản trị hành chính văn phòng);

(3) Rà soát, chỉnh sửa chuẩn đầu ra, mục tiêu của Chương trình đào tạo chuyên ngành Quản trị nhân lực doanh nghiệp đảm bảo đáp ứng nhu cầu của các doanh nghiệp và cựu sinh viên .

1.2. Thông tin chung

Chương trình đào tạo Quản trị nhân lực được thiết kế dựa trên hệ thống tín chỉ với 131 TC bao gồm: khối kiến thức giáo dục đại cương; khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp bao gồm kiến thức cơ sở ngành, kiến thức ngành và chuyên ngành (quản trị nhân lực), kiến thức bổ trợ và thực tập, khóa luận tốt nghiệp. Trong đó, chương trình được thiết kế bao gồm các học phần bắt buộc và học phần tự chọn theo một lộ trình hợp lý và khoa học, cho phép sinh viên có thể linh động trong kế hoạch học tập để đạt được bằng cử nhân từ 3,5 đến 7 năm.

1	Ngành	Quản trị nhân lực
2	Bậc	Đại học
3	Loại bằng	Cử nhân
4	Loại hình đào tạo	Toàn thời gian
5	Thời gian	4 năm (Sinh viên có thể rút ngắn thời gian học lên tới 3,5 năm hoặc kéo dài tối đa đến 7 năm dựa trên khả năng và điều kiện học tập)
6	Số tín chỉ	131 tín chỉ (bao gồm các môn học Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng)
7	Khoa quản lý	Khoa Quản trị nhân lực – Trường Đại học Thương mại
8	Ngôn ngữ	Tiếng Việt
9	Website	http://qtnl.tmu.edu.vn/
10	Facebook	https://www.facebook.com/QuantrinhlanlucDHTM

1.3. Sứ mạng, tầm nhìn và giá trị cốt lõi của Khoa Quản trị nhân lực

1.3.1. Sứ mạng

Khoa Quản trị nhân lực là khoa chuyên ngành, có vị trí quan trọng của trường Đại học Thương mại. Khoa là một đơn vị đào tạo ngành quản trị nhân lực trình độ đại học chất lượng cao, đạt chuẩn Việt Nam; là một đơn vị nghiên cứu và

chuyên giao công nghệ, tri thức trong lĩnh vực quản trị nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

1.3.2. Tâm nhìn

Với vị thế là khoa chuyên ngành quan trọng, khoa Quản trị nhân lực đóng góp tích cực vào thực hiện mục tiêu của trường Đại học Thương mại đến năm 2020 trở thành trường đại học công lập, tự chủ, đa ngành, có thế mạnh và uy tín cao trong đào tạo đại học, sau đại học. Theo đó đến 2020, khoa Quản trị nhân lực trở thành một địa chỉ tin cậy hàng đầu trong đào tạo, nghiên cứu, chuyên giao khoa học công nghệ và cung ứng dịch vụ quản trị nhân lực có chất lượng, đạt chuẩn Việt Nam đáp ứng nhu cầu nhân lực cho phát triển kinh tế - xã hội trong bối cảnh hội nhập của đất nước.

1.3.3. Giá trị cốt lõi:

Chủ động – Sáng tạo – Đổi mới – Kết nối – Phát triển

- PHÁT TRIỂN chương trình đào tạo tiên tiến, mang tính thực tế cao;
- Đội ngũ giảng viên có trình độ, giàu kinh nghiệm, tâm huyết và luôn sẵn sàng ĐỔI MỚI;
- KẾT NỐI với mạng lưới doanh nghiệp và cộng đồng cựu người học trong đào tạo, kiến tạo cơ hội việc làm;
- Nuôi dưỡng và truyền cảm hứng để người học thỏa sức SÁNG TẠO với sự khẳng định vị thế của các Câu lạc bộ HRC TMU, U Xanh...
- Chú trọng chương trình hướng nghiệp nghề Nhân sự CHỦ ĐỘNG.

1.4. Mục tiêu chương trình

Đào tạo cử nhân Quản trị nhân lực có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt; nắm vững những kiến thức cơ bản về kinh tế - xã hội, quản trị - quản lý và quản trị nhân lực; những kỹ năng chuyên sâu về quản trị nhân lực doanh nghiệp. Sinh viên tốt nghiệp có khả năng hoạch định chiến lược, chính sách, kế hoạch nhân lực; biết tổ chức và định mức lao động, tuyển dụng, đào tạo và phát triển, đánh giá, trả công nhân lực trong doanh nghiệp và các tổ chức; biết thiết lập, duy trì và phát triển quan hệ lao động doanh nghiệp... Sinh viên tốt nghiệp làm việc chủ yếu ở các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế và có thể làm việc ở các tổ chức công, cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan nghiên cứu, giảng dạy về quản trị nguồn nhân lực và các tổ chức khác.

1.5. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

1.5.1. Yêu cầu về kiến thức

- Nắm vững các kiến thức giáo dục đại cương như: các nguyên lý chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh; các kiến thức toán học cần thiết; các kiến thức

cơ bản về kinh tế - xã phản ánh nội dung ngành; các kiến thức tiếng Anh và tin học căn bản; kiến thức phương pháp nghiên cứu khoa học.

- Có đủ kiến thức nền về quản trị - quản lý như: *Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô; Kinh tế nguồn nhân lực; Lao động và việc làm; Quản trị học; Quản trị nhân lực căn bản; Tâm lý học lao động; Hành vi tổ chức; Quản lý nguồn nhân lực xã hội; Marketing căn bản; Văn hóa kinh doanh* làm cơ sở cho việc nghiên cứu các môn học ngành và chuyên ngành cũng như phát triển nghề nghiệp.

- Nắm vững kiến thức chuyên sâu về ngành Quản trị nhân lực và chuyên ngành Quản trị nhân lực doanh nghiệp bao gồm: *Quan hệ lao động; Luật Lao động; Hoạch định nguồn nhân lực; Tuyển dụng nhân lực; Đào tạo và phát triển nhân lực; Tổ chức và định mức lao động; Đánh giá thực hiện công việc; Trả công lao động; An toàn và vệ sinh lao động; Quản trị nhân lực quốc tế; Quản trị nhân lực công; An sinh xã hội; Quản trị hành chính văn phòng; Kinh tế doanh nghiệp.*

- Có kiến thức bổ trợ và phát triển sang các ngành đào tạo khác của trường và các trường thuộc khối ngành Kinh doanh và Quản lý.

1.5.2. Yêu cầu về kỹ năng

Sinh viên tốt nghiệp ngành Quản trị nhân lực, chuyên ngành Quản trị nhân lực doanh nghiệp đạt chuẩn kỹ năng chung cơ bản của ngành Quản trị nhân lực và kỹ năng chuyên sâu của chuyên ngành Quản trị nhân lực doanh nghiệp.

a. Kỹ năng cứng

- Có kỹ năng hoạch định các chiến lược, quy hoạch, chính sách thu hút, sử dụng, duy trì và phát triển nguồn nhân lực;

- Có kỹ năng xây dựng, tổ chức thực hiện và kiểm tra, giám sát các kế hoạch, chương trình nhân lực như: Tuyển dụng nhân lực; Đào tạo và phát triển nhân lực; Đánh giá nhân lực; Trả công lao động; An toàn vệ sinh lao động; An sinh xã hội.

- Có kỹ năng dự báo, ra quyết định và giải quyết vấn đề; lập và thực hiện các dự án nghiên cứu và triển khai (R&D) để phát hiện, giải quyết linh hoạt và kịp thời các vấn đề tác nghiệp quản trị nhân lực của các tổ chức, doanh nghiệp;

- Có kỹ năng quản trị hành chính văn phòng và tổ chức sự kiện;

- Có kỹ năng đối thoại, thương lượng và giải quyết xung đột, tranh chấp trong quan hệ lao động.

b. Kỹ năng mềm

- Kỹ năng tin học (Sử dụng thành thạo phần mềm tin học văn phòng, có khả năng sử dụng phần mềm quản trị nhân lực);

- Kỹ năng ngoại ngữ: Sinh viên sau khi tốt nghiệp đạt chuẩn đầu ra Tiếng Anh theo quy định của Trường tại Quyết định số 979/QĐ-ĐHTM ngày 15/11/2016 (tương đương Bậc 3 theo Thông tư 01/2014/TT-BGD&ĐT quy định về Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam; hoặc quy đổi tương đương sang một số chứng chỉ ngoại ngữ khác theo Thông tư số 05/2012/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 2 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

- Kỹ năng làm báo cáo, trình diễn, thuyết phục và truyền thông quản trị nhân lực;
- Kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, làm việc độc lập, quản trị thời gian.

1.5.3. Yêu cầu về thái độ

Sinh viên tốt nghiệp ngành Quản trị nhân lực, chuyên ngành Quản trị nhân lực doanh nghiệp đạt chuẩn thái độ, hành vi sau:

- Tư tưởng chính trị vững vàng, tán thành và tự giác phấn đấu theo mục tiêu xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, làm việc theo hiến pháp và pháp luật;

- Đạo đức nghề nghiệp vị xã hội, nhân bản, nhân văn, ý thức tổ chức kỷ luật lao động và tôn trọng nội quy của cơ quan, doanh nghiệp; Có ý thức cộng đồng, trách nhiệm công dân;

- Tác phong chuyên nghiệp, biết lắng nghe, có ý thức hợp tác làm việc theo nhóm và làm việc độc lập;

- Ham học hỏi, sáng tạo và có tinh thần cầu tiến.

1.6. Vị trí việc làm của người học sau khi tốt nghiệp

1.6.1. Làm việc phù hợp và tốt tại các bộ phận sau của tổ chức, doanh nghiệp

- Bộ phận Tổ chức - Nhân sự/ Hành chính - Nhân sự/ Tổ chức lao động... của doanh nghiệp;

- Bộ phận cung cấp các dịch vụ tư vấn về quản trị nhân lực của tổ chức, doanh nghiệp;

- Bộ phận tổ chức, nhân sự, đào tạo tại các Bộ; Tổng cục; Cục; Ủy ban nhân dân; Các tổ chức chính trị, xã hội, đoàn thể;

- Bộ phận phụ trách công tác lao động tại các tổ chức công, các cơ quan quản lý nhà nước về lao động các cấp;

- Bộ phận Tổ chức - Nhân sự/ Tổ chức Cán bộ của các cơ sở đào tạo, các viện nghiên cứu;

- Bộ phận nghiên cứu về quản trị nhân lực tại các viện nghiên cứu;

- Khoa, Bộ môn phụ trách giảng dạy các học phần của ngành quản trị nhân lực tại các cơ sở đào tạo.

1.6.2. Các loại hình tổ chức, doanh nghiệp có khả năng và cơ hội làm việc làm việc phù hợp

- Các doanh nghiệp thương mại, dịch vụ; các doanh nghiệp sản xuất thuộc sở hữu nhà nước, tư nhân, vốn đầu tư nước ngoài;

- Các tổ chức cung cấp dịch vụ tư vấn, dịch vụ triển khai về quản trị nhân lực.

- Các cơ quan quản lý nhà nước về lao động các cấp (phòng Lao động Thương binh và Xã hội; phòng Nội vụ; Sở Lao động Thương binh và Xã hội; Sở Nội vụ; Bộ Lao động Thương binh và Xã hội; Bộ Nội vụ; Bộ phận phụ trách công tác Lao động ở các tổ chức, cơ quan);

- Các Bộ; Tổng cục; Cục; Ủy ban nhân dân; Các tổ chức công; Các tổ chức chính trị, xã hội, đoàn thể;

- Các cơ sở đào tạo cao đẳng, các trường đại học, học viện;

- Các viện nghiên cứu về quản trị nhân lực; viện nghiên cứu có bộ phận nghiên cứu về quản trị nhân lực;

1.7. Tiêu chí tuyển sinh, quy trình đào tạo học thuật, yêu cầu tốt nghiệp

1.7.1. Tiêu chí tuyển sinh

Các đối tượng đủ điều kiện tuyển sinh vào đại học chính quy theo Quy chế hiện hành của Bộ giáo dục và Đào tạo.

1. Tốt nghiệp THPT;

2. Có điểm thi Tốt nghiệp THPT cao hơn hoặc bằng điểm chuẩn của Đại học Thương mại

1.7.2. Quá trình đào tạo

Chương trình đào tạo được xây dựng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trường Đại học Thương mại. Chương trình giảng dạy được xây dựng trên hệ thống tín chỉ cho phép sinh viên linh hoạt trong kế hoạch học tập cá nhân để có thể tốt nghiệp trong vòng 3.5 đến 7 năm.

Chương trình được thiết kế bao gồm 8 học kỳ chính, trong đó các học phần được phân bổ tương đối đồng đều trong các học kỳ từ học kỳ 1 đến học kỳ 8.

Tại Trường Đại học Thương mại, mỗi năm học bao gồm hai học kỳ chính (giữa tháng 8 đến cuối tháng 5) và học kỳ mùa hè (đầu tháng 6 đến giữa tháng 7). Trong 1,5 năm đầu tiên, sinh viên sẽ học các khóa học khối kiến thức chung và các khóa học khối kiến thức nền tảng (kinh doanh); các khóa học khối kiến thức chuyên

ngành (quản trị nhân lực) 2,5 năm tiếp theo; và sinh viên phải tham gia thực tập và làm Khóa luận tốt nghiệp trong học kỳ cuối.

1.7.3. Điều kiện tốt nghiệp

Sinh viên muốn được trường xét tốt nghiệp phải đáp ứng các điều kiện sau:

- (1) Trong thời gian học tập tối đa của khóa học (7 năm)
- (2) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp, sinh viên không đang trong thời gian truy cứu trách nhiệm hình sự.
- (3) Tích lũy đủ số tín chỉ quy định trong chương trình đào tạo
- (4) Điểm trung bình chung tích lũy của khóa học đạt từ 2.0 trở lên.
- (5) Đạt trình độ tiếng Anh theo chuẩn đầu ra (Tiếng Anh trình độ Bậc 3 theo Thông tư 01/2014/TT-BGD&ĐT quy định về Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (quy đổi tương đương sang một số chứng chỉ ngoại ngữ khác theo Thông tư số 05/2012/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 2 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)
- (6) Được cấp chứng chỉ kỹ năng mềm theo quy định;
- (7) Được đánh giá đạt các học phần Giáo dục quốc phòng an ninh, Giáo dục thể chất.
- (8) Có đơn gửi Phòng đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khóa học.

1.8. Phương pháp giảng dạy, học tập

Về phương pháp dạy học có thể chia thành các nhóm sau, tùy theo điều kiện cụ thể mà từng bộ môn và giảng viên sẽ vận dụng các phương pháp thích hợp cho từng nội dung học phần và bài học:

1.8.1. Phương pháp giảng dạy

1.8.1.1. Phương pháp dạy lý thuyết và thực tiễn, rèn luyện kỹ năng

- Phương pháp chủ yếu là thuyết trình, mô hình hóa và cần kết hợp với các phương pháp khác;
- Phương pháp thảo luận và thảo luận nhóm các nội dung và các vấn đề lý luận và thực tiễn;
- Phương pháp nêu và phân tích ví dụ minh họa/ vận dụng lý thuyết;
- Phương pháp nghiên cứu tình huống và giải quyết tình huống;
- Phương pháp nêu vấn đề và giải quyết vấn đề;
- Phương pháp phát vấn

1.8.1.2. Phương pháp thảo luận

- Phương pháp phân tích và giải quyết tình huống trên cơ sở đóng vai và làm việc nhóm;

- Phương pháp trình bày, diễn giải, lập luận, xây dựng các minh chứng bảo vệ các ý kiến và giải pháp;
- Phân tích các vấn đề lý luận và thực tiễn ở nhiều góc độ khác nhau và so sánh các tình thế và giải pháp ở các góc độ này

1.8.2. Phương pháp học tập

1.8.2.1. Học trên lớp

Bao gồm các phương pháp: Phương pháp Động não, phương pháp giải quyết vấn đề được nêu phân tích các ví dụ hoặc các tình huống thực tế và kết hợp các phương pháp này.

1.8.2.2. Tự học ở ngoài giờ lên lớp

- Phương pháp tự đọc và tự nghiên cứu tài liệu lý luận và thực tiễn liên quan tới từng học phần;
- Phương pháp nghiên cứu và giải quyết tình huống thực tiễn theo nhóm.

1.9. Phương pháp đánh giá

Đánh giá với 03 nhóm điểm thành phần: *Chuyên cần, Thảo luận, thực hành.*

1.9.1. Đánh giá điểm chuyên cần:

Chiếm 10% tổng điểm sinh viên đạt được của học phần

Tiêu chí đánh giá: gồm ba tiêu chí

- *Chăm chỉ* - thể hiện ở mức độ có mặt đầy đủ các buổi học;
- *Nghiêm túc* – thể hiện ở thái độ tôn trọng giảng viên và lớp học, đi học đúng giờ giữ trật tự khi giảng viên và các bạn học thuyết trình, và không làm việc riêng, mang theo (tài liệu môn học có thể bản cứng hoặc bản mềm), ghi chép;
- *Tích cực* – thể hiện ở mức độ, thái độ tích cực tham gia đóng góp trong các buổi học

1.9.2. Đánh giá điểm đổi mới phương pháp

- Sinh viên *chủ động tham gia* vào bài học với các câu hỏi liên quan do sinh viên chủ động tìm hiểu nguồn thông tin thực tế;
- Sinh viên có *kỹ năng trình bày và lập luận* vấn đề khi có thắc mắc về bài học một cách rõ ràng;
- Sinh viên có ứng dụng các cách thức trình bày slide mới như kỹ năng photoshop, làm video vào việc thể hiện bài thảo luận;
- Sinh viên *tích cực chủ động, có tính sáng tạo* tham gia vào bài thảo luận.

1.9.3. Đánh giá bài kiểm tra và bài thi cuối học phần thi tự luận

Căn cứ vào Barrem đáp án của đề thi kết thúc học phần.

- Sinh viên trình bày được *các nội dung kiến thức cơ bản về lý thuyết* liên quan tới các vấn đề của môn học không, trình bày đủ ý, có tính logic, hệ thống;
- Sinh viên *liên hệ được các nội dung lý thuyết cơ bản* của học phần vào một doanh nghiệp mà sinh viên biết;
- Sinh viên *phân tích được các nội dung về lý thuyết sâu có lồng ghép các quan điểm cá nhân thể hiện* được sự hiểu biết liên quan đến các học phần quản trị nhân lực (gắn với đặc trưng của môn học);
- Sinh viên *vận dụng được thêm các kiến thức bổ trợ từ các học phần kinh tế, kinh doanh và các học phần thuộc khối quản trị* vào phần phân tích;
- Sinh viên có thể liên hệ thực tế *phân tích và đề xuất liên quan đến một nội dung quản trị nhân lực với một doanh nghiệp/lĩnh vực cụ thể*;
- Sinh viên có thể *phân tích, nhận định điểm mấu chốt và giải quyết các tình huống thực tế* liên quan các vấn đề của quản trị nhân lực với các dữ liệu tình huống được cung cấp;
- Sinh viên có *vận dụng được các kiến thức thực tế đã tổng hợp và tích lũy* từ các học phần khác để giải quyết vấn đề liên quan nội dung của học phần.

PHẦN 2. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY

2.1. Cấu trúc

Tổng số tín chỉ của chương trình là 131 tín chỉ trong đó 120 TC thuộc các khối kiến thức và 11 TC giáo dục thể chất và quốc phòng.

- Kiến thức giáo dục đại cương:	43 tín chỉ
- Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp:	88 tín chỉ
Bao gồm: + Kiến thức cơ sở ngành:	25 tín chỉ
+ Kiến thức ngành, chuyên ngành:	39 tín chỉ
+ Kiến thức bổ trợ:	14 tín chỉ
+ Thực tập và làm tốt nghiệp khóa học:	10 tín chỉ

Thời gian đào tạo chuẩn của chương trình: 04 năm.

2.2. Lộ trình giảng dạy

Năm học	Học kỳ	Khối kiến thức/học phần	Số TC
1	I	- Kiến thức giáo dục đại cương	16
	II	- Kiến thức giáo dục đại cương	16
2	III	- Kiến thức cơ sở ngành	15
	IV	- Kiến thức cơ sở ngành - Kiến thức ngành	10 05
3	V	- Kiến thức ngành (bao gồm chuyên ngành)	16
	VI	- Kiến thức ngành (bao gồm chuyên ngành)	16
4	VII	- Kiến thức ngành (bao gồm chuyên ngành) - Kiến thức bổ trợ	02 14
	VIII	Thực tập nghề nghiệp và làm tốt nghiệp khóa học	10
		Tổng số	120

2.3. Mô tả các học phần trong CTĐT

2.3.1. Kiến thức giáo dục đại cương (32TC)

2.3.1.1. Các học phần bắt buộc (30TC)

MLNP0111 Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin I (2TC)

Học phần Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, phần I gồm 4 chương. Ngoài việc giới thiệu những nội dung có tính chất nhập môn, Học phần này giới thiệu những nội dung cơ bản của Chủ nghĩa duy vật biện chứng, Phép biện chứng duy vật và Chủ nghĩa duy vật lịch sử. Từ đó, hình thành thế giới quan và nhân sinh

quan khoa học cho người học và cung cấp cơ sở khoa học cho việc luận giải chủ trương, đường lối của Đảng Cộng sản, chính sách của Nhà nước CH XHCN Việt Nam

MLNP0211 Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 2 (3TC)

Học phần Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, Phần II có 3 chương giới thiệu về một số học thuyết kinh tế cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin như: học thuyết giá trị, học thuyết giá trị thặng dư và học thuyết về chủ nghĩa tư bản độc quyền và chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước. Ngoài ra, Học phần này còn có 3 chương giới thiệu một số vấn đề lý luận và thực tiễn của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, bao gồm các nội dung: Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân và cách mạng xã hội chủ nghĩa; một số vấn đề chính trị- xã hội có tính quy luật trong tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa, chủ nghĩa xã hội hiện thực và triển vọng.

HCM10111 Tư tưởng Hồ Chí Minh (2TC)

Học phần bao gồm 8 chương, trong đó, chương mở đầu giới thiệu về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập học phần. Tiếp theo, từ chương 1 đến chương 7, giới thiệu khái quát về những nội dung cơ bản trong hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh, đó là: nguồn gốc, quá trình hình thành và phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh; vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; Đảng Cộng sản Việt Nam; đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân; văn hoá, đạo đức và xây dựng con người mới.

RLCP 0111 Đường lối Cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam (3TC)

Học phần Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam giới thiệu: Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam; Đường lối cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân (1930 – 1975); Một số nội dung cơ bản của đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa (đường lối công nghiệp hóa; đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; đường lối xây dựng hệ thống chính trị; đường lối xây dựng, phát triển văn hóa và giải quyết các vấn đề xã hội; đường lối đối ngoại....)

TLAW0111 Pháp luật đại cương (2TC)

Học phần bao gồm những nội dung cơ bản sau: Nguồn gốc, bản chất, chức năng, hình thức, đặc điểm, Bộ máy Nhà nước CHXHCN Việt Nam; nguồn gốc, bản chất, đặc điểm, các mối quan hệ của pháp luật; cơ cấu quy phạm pháp luật và các hình thức thực hiện pháp luật; các thành phần quan hệ pháp luật và căn cứ làm phát sinh quan hệ pháp luật; các hình thức pháp luật và các văn bản quy phạm pháp luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam; yếu tố cấu thành hành vi vi phạm pháp luật và các loại trách nhiệm pháp lý; một số nội dung cơ bản của Luật dân sự như: giao dịch dân sự, chế định quyền sở hữu, chế định quyền thừa kế; một số nội dung cơ bản của

Luật hành chính như: đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh, đặc điểm và các yếu tố cấu thành quan hệ pháp luật hành chính, phân biệt Luật hành chính với một số ngành luật khác; một số nội dung cơ bản của Luật Hình sự như: chế định về Tội phạm, Chế định về hình phạt và các chế định khác. Trong chương trình học còn đề cập đến các nội dung quan trọng liên quan đến Luật Phòng chống tham nhũng bao gồm : Khái niệm, đặc điểm và các hành vi tham nhũng, nguyên nhân và tác hại của tham nhũng, ý nghĩa tầm quan trọng của công tác phòng chống tham nhũng, trách nhiệm của công dân trong phòng chống tham nhũng.

ENTH2611 Tiếng Anh 1 (2TC)

Tiếng Anh 1 gồm 8 bài đầu của giáo trình Market Leader, giới thiệu những tình huống thường gặp trong kinh doanh như tự giới thiệu bản thân, giới thiệu về công việc và sở thích, giải quyết những vấn đề thường gặp trên điện thoại, cách thức đặt chỗ, đặt vé tàu, vé máy bay, cách thức gọi món ăn trong nhà hàng, thực hiện một bài nói giới thiệu sản phẩm, cách thức giải quyết những vấn đề cơ bản, cách thức tham gia các cuộc thảo luận nhỏ,... Ngoài ra, học phần cũng giới thiệu và giúp sinh viên thực hành một số hiện tượng ngữ pháp Tiếng Anh cơ bản.

ENTH3111 Tiếng Anh 2 (2TC)

Học phần Tiếng Anh 2 giúp sinh viên tiếp tục làm quen với ngôn ngữ Anh trong môi trường thương mại qua giáo trình “Market Leader – Elementary” (bài 7, 8, 9, 10). Học phần giới thiệu những tình huống thường gặp trong kinh doanh như giao tiếp trên điện thoại, giao tiếp trên bàn đàm phán, thực hiện một bài thuyết trình về công ty, bày tỏ ý kiến của bản thân về một vấn đề, thực hành những đoạn hội thoại thường gặp trong cuộc sống xã hội,... Ngoài ra, học phần còn giới thiệu một số yếu tố khác như ngữ âm, từ vựng và ngữ pháp cơ bản trong tiếng Anh.

ENTH1611 Tiếng Anh 3 (2TC)

Học phần được xây dựng dựa trên cuốn “Market Leader” – trình độ Pre-Intermediate (old edition và new edition), gồm 5 bài (units), cung cấp nội dung kiến thức trong lĩnh vực Tiếng Anh chuyên ngành thương mại ví dụ như « lên kế hoạch công việc », « quản lý nguồn nhân lực », « những tiêu chí và điều kiện cũng như các kỹ năng, phẩm chất cần có cho những người quản lý trong việc giải quyết những xung đột trong nhân sự, « marketing và sản phẩm »,... Trong mỗi bài học hầu hết đều cung cấp cho sinh viên theo các mục : Khởi động, Nghe, Đọc, Từ vựng, Ngữ pháp và Bài tập thực hành với tiêu chí chính là phát triển 4 kỹ năng thực hành ngôn ngữ cho sinh viên. Hơn nữa, học phần Tiếng Anh 3 còn cung cấp cho sinh viên lượng từ vựng đáng kể liên quan đến chuyên ngành kinh tế thương mại. Mục tiêu chính của học phần này

đó là phục vụ tối đa mục tiêu giao tiếp trong lĩnh vực kinh doanh thương mại và hỗ trợ phát triển các kỹ năng khác cho sinh viên để ứng dụng tốt trong học tập, nghiên cứu và công việc sau này.

FMAT0111 Toán cao cấp 1 (2TC)

Học phần cung cấp một số kiến thức cơ bản về Đại số tuyến tính (véc tơ n-chiều và không gian tuyến tính, ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính, dạng toàn phương) và về phần đầu của Toán Giải tích (số thực, hàm số một biến số, giới hạn, đạo hàm và vi phân).

FMAT 0211 Toán cao cấp 2 (2TC)

Môn học cung cấp một số kiến thức cơ bản về Toán Giải tích: số phức, hàm số hai biến số và cực trị, tích phân, phương trình vi phân, phương trình sai phân.

AMAT0111 Lý thuyết xác suất và thống kê toán (3TC)

Học phần được kết cấu thành hai phần tương đối độc lập về cấu trúc, nhưng liên quan chặt chẽ về nội dung: Phần Lý thuyết xác suất giới thiệu tính quy luật của các hiện tượng ngẫu nhiên; Phần Thống kê toán bao gồm các nội dung: Cơ sở lý thuyết về điều tra chọn mẫu, một phương pháp được dùng khá phổ biến trong điều tra, khảo sát các dữ liệu kinh tế và điều tra xã hội học. Các phương pháp ước lượng và kiểm định giả thuyết thống kê trong nghiên cứu các vấn đề thực tế nói chung và các vấn đề kinh tế nói riêng.

INFO0111 Tin học đại cương (3TC)

Đây là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương. Học phần bao gồm các khối kiến thức đại cương về máy tính điện tử, về hệ điều hành (MS-Windows), hệ soạn thảo văn bản (Microsoft Word), trình chiếu văn bản (Powerpoint), bảng tính điện tử (Microsoft Excel) và mạng máy tính.

SCRE 0111 Phương pháp nghiên cứu khoa học (2TC)

Học phần phương pháp nghiên cứu khoa học là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong tất cả các chương trình đào tạo hệ chính quy các chuyên ngành. Học phần cung cấp các kiến thức, kỹ năng về phương pháp nghiên cứu khoa học, cách thức thiết kế nghiên cứu, cách thức sử dụng các phương pháp nghiên cứu, cách thức soạn thảo và thuyết trình kết quả nghiên cứu.

2.3.1.2. Các học phần tự chọn (2TC) lựa chọn trong các HP sau:

ENTI0111 Cơ sở văn hóa Việt Nam (2TC)

Học phần Cơ sở văn hoá Việt Nam thuộc kiến thức cơ sở ngành, bắt buộc của chuyên ngành Tiếng Anh Thương mại; tự chọn cho các chuyên ngành: Quản trị kinh

doanh; Kinh doanh tổng hợp; Quản trị Khách sạn; Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành; Thương mại điện tử; Quản trị thương hiệu và Kinh tế thương mại. Nội dung học phần bao gồm: khái quát về cơ sở văn hoá Việt Nam; các thành tố của văn hóa Việt Nam; tiến trình lịch sử của văn hóa Việt Nam; văn hóa các vùng Tây Bắc, Việt Bắc, Châu thổ Bắc Bộ, Trung Bộ, Tây Nguyên và Nam Bộ.

RLCP0421 Xã hội học đại cương (2TC)

Học phần Xã hội học đại cương giới thiệu: Những kiến thức cơ bản về xã hội (dưới góc độ Xã hội học) như: Hành động xã hội, tương tác xã hội và quan hệ xã hội; Cơ cấu xã hội, phân tầng xã hội và thiết chế xã hội; Bất bình đẳng xã hội; Các nội dung về xã hội hóa; Các vấn đề về biến đổi xã hội. Đồng thời trong học phần cũng đề cập nghiên cứu một số nội dung của các lĩnh vực xã hội học chuyên biệt, như: Xã hội học giáo dục, Xã hội học nông thôn, Xã hội học đô thị, Xã hội học quản lý.

FECO1521 Kinh tế môi trường (2TC)

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về: mối quan hệ giữa môi trường và phát triển kinh tế, bản chất kinh tế của ô nhiễm môi trường và tài nguyên thiên nhiên, các vấn đề quản lý môi trường trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Từ đó, học phần hướng dẫn cho sinh viên những kỹ năng cơ bản của phân tích tác động của phát triển kinh tế đến môi trường và các quy tắc sử dụng tài nguyên tối ưu. Đồng thời, học phần trang bị cho sinh viên những công cụ quản lý môi trường có thể áp dụng ở nhiều lĩnh vực như quản lý Nhà nước, giải quyết các vấn đề môi trường trong sản xuất và xuất nhập khẩu của doanh nghiệp.

2.3.1.3. Giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng (11TC)

❖ Giáo dục thể chất (3TC)

Chương trình môn học GDTC bao gồm 90 tiết học chính khóa và 320 tiết ngoại khóa, học trong 03 tín chỉ tương đương 03 học phần với các môn học: Lý luận và phương pháp rèn luyện thể chất (1TC) và lựa chọn 01 TC trong các học phần: Bóng chuyền, Bóng ném, Cầu lông, Cờ vua, Bóng bàn. Trong đó giờ chính khóa được thực hiện theo kế hoạch của trường. Giờ ngoại khóa sinh viên tự bố trí kế hoạch tập luyện của mình trong cả quá trình học 04 năm ở trường để củng cố các kỹ thuật được học trong giờ chính khóa và rèn luyện sức khỏe nâng cao thể lực.

❖ Giáo dục quốc phòng (8TC)

Chương trình giáo dục quốc phòng gồm 4 học phần bao gồm: Học phần I: Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam; Học phần II: Công tác quốc phòng và an ninh; Học phần III: Quân sự chung, chiến thuật, kỹ thuật bắn súng ngắn và sử dụng lựu đạn; Học phần IV: Hiểu biết chung về quân, binh chủng.

Chương trình giúp người học có những hiểu biết ban đầu về nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; Về truyền thống chống giặc ngoại xâm của dân tộc, lực lượng vũ trang nhân dân và nghệ thuật quân sự Việt Nam; Có kiến thức cơ bản, cần thiết về phòng thủ dân sự và kỹ năng quân sự; sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an bảo vệ Tổ quốc. Ngoài ra còn giúp sinh viên có kiến thức cơ bản về quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về quốc phòng và an ninh; Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; Bổ sung kiến thức về phòng thủ dân sự và kỹ năng quân sự; sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an bảo vệ Tổ quốc.

2.3.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (88TC)

2.3.2.1. Kiến thức cơ sở ngành (25TC)

❖ Các học phần bắt buộc (20TC)

MIEC0111 Kinh tế vi mô 1 (3TC)

Kinh tế vi mô là học phần thuộc nhóm kiến thức cơ sở ngành, cung cấp những nguyên lý cơ bản của kinh tế vi mô. Học phần cung cấp cho người học phương pháp và công cụ nghiên cứu các vấn đề cơ bản của thị trường như cung - cầu, giá cả thị trường hàng hóa, dịch vụ và thị trường các yếu tố sản xuất. Thêm vào đó, học phần đi sâu phân tích lý thuyết về hành vi người tiêu dùng và hành vi của doanh nghiệp trong các cấu trúc thị trường khác nhau. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ, là cơ sở và nền tảng cho việc nghiên cứu chuyên sâu các lĩnh vực kinh tế và quản trị kinh doanh.

MAEC0111 Kinh tế vĩ mô 1 (3TC)

Học phần giới thiệu kiến thức cơ bản của kinh tế vĩ mô, trước hết là phân khái quát về kinh tế vĩ mô, hạch toán thu nhập quốc dân, tiếp theo là các phân tích về tổng cầu và chính sách tài khóa, tiền tệ và chính sách tiền tệ, tác động của hai chính sách kinh tế vĩ mô trung tâm là chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ tới giá cả, sản lượng và việc làm. Tiếp theo, học phần giới thiệu về chu kỳ kinh tế, thất nghiệp và lạm phát và cuối cùng là giới thiệu về kinh tế vĩ mô trong nền kinh tế mở.

BMGM0111 Quản trị học (3TC)

Học phần bao gồm những nội dung cơ bản sau : khái niệm và bản chất của quản trị, môi trường quản trị, các lý thuyết quản trị ; quản trị sự thay đổi ; quản trị xung đột của tổ chức ; các nội dung về vai trò, kỹ năng cần thiết của nhà quản trị ; thông tin và ra quyết định quản trị ; phân tích sâu các chức năng quản trị (hoạch định, tổ chức, lãnh đạo, kiểm soát).

ENEC1011 Kinh tế nguồn nhân lực căn bản (2TC)

Học phần cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về kinh tế nguồn nhân lực căn bản. Cụ thể học phần giới thiệu những vấn đề cơ bản về kinh tế nguồn nhân lực; Cung lao động; Cầu lao động; Cân bằng thị trường lao động; Năng suất lao động và nguồn tiềm năng nâng cao năng suất lao động, đầu tư cho vốn nhân lực và tiền lương, thu nhập, mức sống đối với người lao động.

CEMG0111 Quản trị nhân lực căn bản (3TC)

Học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành của chương trình đào tạo ngành Quản trị nhân lực. Học phần bao gồm các nội dung chính: khái niệm và vai trò của quản trị nhân lực, mối quan hệ của quản trị nhân lực với các hoạt động quản trị khác, các học thuyết quản trị nhân lực, các nội dung cơ bản của quản trị nhân lực theo tiếp cận quá trình (hoạch định nhân lực, phân tích công việc, tổ chức bộ máy quản trị nhân lực, tổ chức hoạt động quản trị nhân lực, tạo động lực cho người lao động, kiểm soát hoạt động quản trị nhân lực).

TMKT2311 Tâm lý học lao động (2TC)

Học phần Tâm lý học lao động là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành cho chuyên ngành Quản trị nhân lực. Nội dung học phần bao gồm: tổng quan về tâm lý học lao động; cơ sở tâm lý của tổ chức quá trình lao động và quản trị nhóm; tâm lý học an toàn lao động; giao tiếp và nghệ thuật đàm phán nhân sự; đặc điểm tâm lý của lao động quản lý và các kích thích tâm lý người lao động.

ENEC1311 Quản lý nguồn nhân lực xã hội (2TC)

Học phần thuộc khối kiến thức ngành, chuyên ngành trong chương trình đào tạo quản trị nhân lực. Học phần trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng cần thiết để quản lý nguồn nhân lực xã hội gồm việc: Hình thành, phát triển, tái sản xuất, phân bổ và sử dụng nguồn nhân lực xã hội hiệu quả để thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội.

ENTI2411 Tiếng Anh 4 (2TC)

Học phần *Tiếng Anh 4* dành cho các sinh viên đã hoàn thành bậc 2 khung tham chiếu châu Âu (A2) hoặc tương đương. Học phần giúp người học phát triển toàn diện 4 kỹ năng ngôn ngữ gồm nghe – nói – đọc – viết, trang bị và củng cố từ vựng, giới thiệu và cung cấp cơ hội rèn luyện các hiện tượng ngữ pháp. Nội dung học phần xoay quanh các chủ điểm trong môi trường kinh doanh thương mại như marketing, lập kế hoạch, quản lý con người hoặc quản trị xung đột. Người học thực hành các kỹ năng

ngôn ngữ thông qua nhiều hoạt động khác nhau trên lớp dưới sự hướng dẫn của giáo viên và được yêu cầu hoàn thành một số hoạt động tự học trước và sau giờ học.

Học phần Tiếng Anh 4 có sự kết hợp giảng dạy giữa giáo viên Việt Nam (20 tiết) và giáo viên bản ngữ (10 tiết) nhằm nâng cao hiệu quả học tập cho sinh viên.

❖ **Các học phần tự chọn (5TC) lựa chọn trong các HP sau:**

BMGM1221 Văn hóa kinh doanh (2TC)

Học phần thuộc khối kiến thức ngành của các chuyên ngành thuộc ngành quản trị kinh doanh, quản trị nhân lực trong chương trình đào tạo đại học. Học phần bao gồm những nội dung cơ bản sau: tổng quan về văn hóa kinh doanh và các yếu tố cấu thành; đề cập đến một số đặc trưng cần quan tâm của văn hóa kinh doanh Việt Nam và một số nước trên thế giới; phân tích sâu hai trong số các yếu tố cấu thành nên văn hóa kinh doanh đó là văn hóa doanh nhân, văn hóa doanh nghiệp; nội dung và nhân tố ảnh hưởng đến xây dựng và phát triển văn hóa kinh doanh.

ENEC1211 Lao động và việc làm (2TC)

Học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo ngành, chuyên ngành quản trị nhân lực. Học phần trang bị những kiến thức cơ bản cho người học về lao động, việc làm, chiến lược quốc gia về lao động và việc làm, chính sách lao động và việc làm, nhằm giúp sinh viên có thông tin cơ bản đi sâu nghiên cứu về phát triển nguồn nhân lực, giải quyết việc làm và một số chính sách đối với người lao động nhằm đáp ứng yêu cầu của quá trình hội nhập.

ECOM2111 Thực hành khai thác dữ liệu trên mạng internet (2TC)

Học phần trang bị những kiến thức từ cơ bản đến chuyên sâu về khai thác dữ liệu phục vụ kinh doanh, các công cụ phổ biến được sử dụng và kỹ thuật, câu lệnh, cú pháp chủ yếu cho người dùng khai thác dữ liệu trên Internet, sao cho việc tìm kiếm được chính xác và tổng hợp thông tin một cách nhanh chóng mà không phải loại bỏ những kết quả tìm kiếm không phù hợp. Học phần cung cấp cho người học kỹ năng sử dụng 6 loại máy tìm kiếm thông dụng nhất hiện nay trên thế giới : Google, Facebook Graph Search, Facebook Trends, Yahoo, ODP, Gigablast, Bing, AOL.

BMKT3411 Hành vi tổ chức (3TC)

Học phần hành vi tổ chức nghiên cứu hành vi của con người nói chung và hành vi người lao động của tổ chức nói riêng. Học phần tập trung giới thiệu ba khối kiến thức cơ bản về hành vi tổ chức. Một là, hiểu biết hành vi tổ chức ở góc độ hành vi cá nhân như tự quan niệm bản thân, học tập, giá trị, động viên, thái độ. Hai là hành vi tổ chức ở góc độ nhóm và quá trình xã hội hóa của người lao động. Ba là nghiên cứu hành

vi ở cấp độ doanh nghiệp bao gồm thông tin trong doanh nghiệp, vai trò của lãnh đạo và văn hóa trong tổ chức và sự thay đổi cũng như quản trị sự thay đổi trong tổ chức.

BMKT0111 Marketing căn bản (3TC)

Học phần Marketing căn bản là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành quản trị nhân lực. Ngoài nội dung khái quát giới thiệu bản chất và các quan điểm tiếp cận marketing, học phần tập trung giới thiệu hai khối kiến thức căn bản về marketing. Một là, hiểu biết về môi trường marketing, thị trường, hành vi mua của khách hàng và hệ thống thông tin marketing; hai là: nguyên lý ứng xử cơ bản của marketing nhằm cung cấp những lợi ích và giá trị cho khách hàng, trong đó có chiến lược marketing và ứng xử marketing –mix (4Ps) với các chính sách: sản phẩm; giá; phân phối và xúc tiến phù hợp với thị trường mục tiêu. Học phần cũng mở ra những triển vọng cho việc áp dụng và phát triển tư duy marketing hiện đại trong thế kỉ 21.

CEMG2711 Quản trị dự án (3TC)

Học phần bao gồm các nội dung chủ yếu như: đặc điểm và phương diện chủ yếu của dự án kinh doanh, các nội dung cơ bản của dự án, vai trò và những phẩm chất cần có của nhà quản trị dự án, các mục đích, căn cứ, yêu cầu và quy trình lập dự án kinh doanh; Thẩm định dự án và quyết định đầu tư, phân tích và lập dự án kinh doanh theo 3 nội dung: Kỹ thuật, tài chính và kinh tế; Lựa chọn hình thức tổ chức quản trị dự án; Quản trị thời gian và tiến độ dự án, phân bổ các nguồn lực, quản lý chi phí và quản trị rủi ro dự án kinh doanh.

2.3.2.2. Kiến thức ngành (bao gồm chuyên ngành) (39TC)

❖ Các học phần bắt buộc (33TC)

BLAW1711 Luật lao động (2TC)

Học phần tập trung nghiên cứu về khái niệm luật lao động, quan hệ lao động, các nguyên tắc cơ bản của luật lao động, quản lý nhà nước về lao động; hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể; các chế độ đối với người lao động; kỷ luật lao động và trách nhiệm vật chất; giải quyết tranh chấp và giải quyết đình công.

HRMG0511 Quan hệ lao động (3TC)

Học phần thuộc khối kiến thức ngành trong chương trình đào tạo ngành Quản trị nhân lực. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức bao gồm: Khái niệm, vai trò, nguyên tắc, đặc trưng và một số lý thuyết của quan hệ lao động; Môi trường quan hệ lao động; Các chủ thể của quan hệ lao động; Cơ chế tương tác trong quan hệ lao động; Các hình thức tương tác trong quan hệ lao động (trao đổi thông tin, tư vấn tham khảo, thương lượng). Học phần tạo cơ sở giúp người học xây dựng và duy trì được quan hệ lao

động lành mạnh làm cơ sở triển khai các hoạt động quản trị nhân lực khác như tuyển dụng, đánh giá, đãi ngộ và đào tạo nhân lực.

ENEC0211 Tổ chức và định mức lao động (3TC)

Học phần thuộc khối kiến thức ngành trong chương trình đào tạo ngành quản trị nhân lực. Học phần bao gồm các nội dung: Xác định các loại lao động của doanh nghiệp và phân tích công việc; Phương pháp và quy trình xây dựng định mức lao động của doanh nghiệp; Tổ chức lao động trong doanh nghiệp; Tổ chức và định mức lao động trong doanh nghiệp thương mại điển hình. Học phần có mối quan hệ với các học phần hoạch định nguồn nhân lực, tuyển dụng nhân lực, đánh giá thực hiện công việc và trả công lao động.

HRMG1311 Hoạch định nguồn nhân lực (3TC)

Học phần thuộc khối kiến thức ngành trong chương trình đào tạo ngành quản trị nhân lực. Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về hoạch định nguồn nhân lực, bao gồm: Khái niệm, vai trò, nguyên tắc, yêu cầu, quy trình hoạch định nguồn nhân lực của doanh nghiệp; Hệ thống thông tin nguồn nhân lực và kỹ thuật hoạch định nguồn nhân lực; Phân tích môi trường quản trị nhân lực; Thiết lập chiến lược nguồn nhân lực; Dự báo nhu cầu và khả năng cung ứng nguồn nhân lực; Xây dựng chính sách và kế hoạch nhân lực của tổ chức, doanh nghiệp.

HRMG0611 Tuyển dụng nhân lực (2TC)

Học phần thuộc khối kiến thức ngành trong chương trình đào tạo ngành Quản trị nhân lực. Học phần bao gồm các nội dung: Khái niệm và vai trò của tuyển dụng nhân lực; nội dung của tuyển dụng nhân lực; xây dựng kế hoạch tuyển dụng nhân lực; tuyển mộ nhân lực; tuyển chọn nhân lực; quyết định tuyển dụng và hội nhập nhân viên mới; đánh giá tuyển dụng nhân lực.

HRMG0811 Đánh giá thực hiện công việc (2TC)

Học phần bao gồm các nội dung cơ bản như: khái niệm, vai trò, vị trí của đánh giá thực hiện công việc; quy chế đánh giá thực hiện công việc; quy trình đánh giá thực hiện công việc: thiết kế đánh giá thực hiện công việc (xác định mục tiêu đánh giá và xây dựng kế hoạch đánh giá thực hiện công việc); tổ chức đánh giá và sử dụng kết quả đánh giá thực hiện công việc.

HRMG1411 Đào tạo và phát triển nhân lực (2TC)

Học phần thuộc khối kiến thức ngành trong chương trình đào tạo ngành quản trị nhân lực. Học phần bao gồm các nội dung: tổng quan về đào tạo và phát triển nhân lực, xây dựng kế hoạch đào tạo và phát triển nhân lực, triển khai đào tạo và phát triển nhân lực, đánh giá kết quả đào tạo và phát triển nhân lực.

ENEC0311 Trả công lao động (3TC)

Học phần thuộc khối kiến thức ngành, chuyên ngành trong chương trình đào tạo quản trị nhân lực. Học phần cung cấp kiến thức chuyên ngành cơ bản về trả công lao động. Nội dung cơ bản của học phần bao gồm: Khái niệm và vai trò của trả công lao động, các nguyên tắc trả công lao động, các chính sách trả công lao động trong doanh nghiệp, các quy định pháp lý về trả công lao động; các hình thức trả công lao động (tiền lương, tiền thưởng, trợ cấp, phúc lợi...), các kỹ thuật trả công lao động (thang bảng lương, quy chế tiền lương, thủ tục trả công lao động, điều tra về trả công lao động).

TSMG1411 An toàn và vệ sinh lao động (2TC)

Học phần An toàn và vệ sinh lao động là học phần thuộc khối kiến thức ngành trong chương trình đào tạo chuyên ngành Quản trị nhân lực. Nội dung học phần bao gồm: an toàn lao động trong doanh nghiệp; vệ sinh lao động trong doanh nghiệp; quản lý về an toàn và vệ sinh lao động trong doanh nghiệp; quản lý Nhà nước về an toàn và vệ sinh lao động.

ENEC1411 Quản trị nhân lực công (2TC)

Học phần thuộc khối kiến thức ngành, chuyên ngành trong chương trình đào tạo quản trị nhân lực. Học phần bao gồm các nội dung chính như: Khái niệm, đặc điểm của quản trị nhân lực trong tổ chức công; Xác định vị trí việc làm và quy hoạch nhân lực trong tổ chức công; Thu hút và tuyển dụng nhân lực trong các tổ chức công; Đào tạo và bồi dưỡng nhân lực trong các tổ chức công; Đánh giá và thù lao nhân lực trong các tổ chức công.

ENEC2011 Kinh tế doanh nghiệp (2TC)

Học phần là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành quản trị nhân lực. Học phần cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về tiêu thụ, cung ứng, hoạt động sản xuất và hoạt động dịch vụ của doanh nghiệp, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đảm bảo cho các hoạt động sản xuất, thương mại và dịch vụ của doanh nghiệp. Đồng thời học phần trang bị kỹ năng ra quyết định kinh tế trong hoạt động sản xuất, thương mại và dịch vụ; Đảm bảo các nguồn lực và sử dụng tiết kiệm, hiệu quả các nguồn lực để triển khai các hoạt động kinh tế của doanh nghiệp. Cụ thể học phần giới thiệu những vấn đề chung về hoạt động kinh tế của doanh nghiệp; Các hoạt động sản xuất, thương mại, dịch vụ của doanh nghiệp; Các nguồn lực chủ yếu và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đảm bảo cho hoạt động kinh tế của doanh nghiệp; Đánh giá kết quả, hiệu quả kinh tế của doanh nghiệp. Học phần có mối quan hệ với các học phần thuộc khối ngành kinh tế và quản trị nhân lực trong chương trình đào tạo quản trị nhân lực và một số chương trình đào tạo có liên quan trong Trường.

SMGM0111 Quản trị chiến lược (3TC)

Học phần quản trị chiến lược bao gồm những kiến thức căn bản về những nguyên lý quản trị chiến lược và sự vận dụng thực tiễn trong doanh nghiệp. Học phần quản trị chiến lược bao gồm 7 chương gắn với 03 giai đoạn của quản trị chiến lược từ hoạch định chiến lược đến triển khai chiến lược và kiểm tra, đánh giá chiến lược. Chương 1 của học phần giới thiệu tổng quan về quản trị chiến lược với những khái niệm cơ bản, mô hình và các giai đoạn quản trị chiến lược của doanh nghiệp. Chương 2, 3, 4 và 5 là các chương chi tiết hóa các bước trong hoạch định chiến lược, trong đó chương 2 nghiên cứu tầm nhìn, sứ mạng và mục tiêu chiến lược; Chương 3 và chương 4 giới thiệu các nội dung và công cụ phân tích môi trường bên trong và bên ngoài; Chương 5 giới thiệu các loại hình chiến lược cấp công ty và cấp kinh doanh cũng như các công cụ phân tích chiến lược. Chương 6 tập trung vào các nội dung tổ chức triển khai chiến lược và chương 7 kiểm tra và đánh giá chiến lược.

HRMG2111 Quản trị nhân lực quốc tế (2TC)

Học phần thuộc khối kiến thức ngành của chương trình đào tạo ngành Quản trị nhân lực. Học phần bao gồm các nội dung chính như: khái niệm, đặc điểm, vai trò của nhân lực quốc tế và quản trị nhân lực quốc tế; tuyển dụng và đào tạo nhân lực quốc tế, thù lao và phúc lợi cho nhân lực trong các tổ chức, doanh nghiệp quốc tế; chuyển giao chính sách và quy trình quản trị nhân lực quốc tế.

CEMG2421 Quản trị hành chính văn phòng (2TC)

Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo chuyên ngành quản trị kinh doanh tổng hợp. Học phần bao gồm các nội dung chính như: Giới thiệu về quản trị hành chính văn phòng; Tổ chức cuộc họp, hội nghị, hội thảo; Tổ chức tiếp khách; Tổ chức chuyến đi công tác; Tổ chức quản lý, giải quyết văn bản và tổ chức lưu trữ tài liệu.

❖ Các học phần tự chọn (6TC) lựa chọn trong các HP sau:

HRMG2011 An sinh xã hội (3TC)

Học phần thuộc khối kiến thức ngành của chương trình đào tạo ngành Quản trị nhân lực. Học phần cấp những kiến thức bổ trợ chuyên ngành gồm các nội dung chính như: Các khái niệm, nguyên tắc, các hợp phần cơ bản về an sinh xã hội; Lịch sử hình thành an sinh xã hội; Lý thuyết và mô hình an sinh xã hội; Các tiêu chuẩn quốc tế về an sinh xã hội; Hệ thống an sinh xã hội (Bảo hiểm xã hội; Cứu trợ xã hội; Ưu đãi xã hội; Xóa đói giảm nghèo; Quỹ dự phòng; Dịch vụ an sinh xã hội); Quản lý nhà nước về an sinh xã hội.

eCIT0311 Hệ thống thông tin quản lý (3TC)

Học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành cung cấp kiến thức tổng quan về hệ thống thông tin quản lý, tạo tiền đề cho các học phần khác thuộc chuyên ngành. Học phần sẽ cung cấp các khái niệm cơ bản về hệ thống thông tin, hệ thống thông tin quản lý; Phân tích vai trò của hệ thống thông tin quản lý trong hoạt động của tổ chức, doanh nghiệp; Giới thiệu công nghệ sử dụng trong hạ tầng công nghệ của hệ thống; Trình bày và giới thiệu các công cụ, các phương pháp xây dựng, quản lý để thấy được vai trò con người trong hệ thống; Khái quát về các ứng dụng hệ thống thông tin quản lý trong tổ chức, doanh nghiệp.

TEMG2911 Quản trị dịch vụ (3TC)

Học phần Quản trị dịch vụ góp phần giúp sinh viên có kiến thức quản trị đối với dịch vụ nói chung và là cơ sở dẫn dắt sinh viên tiếp cận và vận dụng quản trị chuyên sâu đối với lĩnh vực dịch vụ cụ thể - đó là quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, quản trị khách sạn, tài chính – ngân hàng,... Sau khi học xong học phần, sinh viên có kiến thức khái quát về quản trị dịch; quản trị các nguồn lực lao động, vốn và cơ sở vật chất kinh doanh dịch vụ; quản trị cầu dịch vụ; quản trị quá trình cung ứng dịch vụ; quản trị quan hệ khách hàng trong dịch vụ; chiến lược phát triển dịch vụ và chiến lược dịch vụ toàn cầu.

FMGM 2311 Bảo hiểm (3TC)

Học phần giới thiệu tổng quan về lý thuyết và thực hành quản trị rủi ro và kinh doanh bảo hiểm. Các chủ đề nghiên cứu chính bao gồm: Tổng quan về quản trị rủi ro và bảo hiểm; Khuôn khổ pháp lý hoạt động bảo hiểm; Bảo hiểm an sinh xã hội; Bảo hiểm con người; Bảo hiểm hàng hóa và tài sản; Bảo hiểm trách nhiệm. Các tình huống kinh doanh bảo hiểm được nghiên cứu trong điều kiện thị trường bảo hiểm Việt Nam.

PLAW2411 Luật kinh tế 1 (3TC)

Là học phần thuộc nhóm kiến thức chuyên ngành, cung cấp những kiến thức pháp lý chung về chủ thể tiến hành hoạt động kinh doanh và đi sâu nghiên cứu các quy định pháp luật về loại hình doanh nghiệp, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, hợp tác xã và hộ kinh doanh cá thể, tổ hợp tác, doanh nghiệp nhà nước; Học phần tập trung nghiên cứu những vấn đề chung về phá sản và luật phá sản; thủ tục giải quyết yêu cầu tuyên bố phá sản của thương nhân. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ với các học phần chuyên ngành khác. Học phần này được nghiên cứu sau khi sinh viên đã nắm được kiến thức cơ bản ở các học phần cơ sở ngành.

2.3.2.3. Kiến thức bổ trợ (14TC)

❖ Các học phần bắt buộc (11TC)

Ngoại ngữ 2.1 (3TC) (ENPR1811 Tiếng Anh 2.1)

Tiếng Anh 2.1 gồm 8 bài. Học phần này dành cho các đối tượng học tiếng Anh như ngoại ngữ 2. Học phần này giới thiệu những tình huống thường gặp trong kinh

doanh như giới thiệu và tự giới thiệu trong phỏng vấn xin việc, khi làm việc với đối tác; Tham gia thảo luận; Giao dịch, trao đổi thông tin qua điện thoại, thư báo, thư điện tử; Thuyết trình về sản phẩm, dịch vụ; Giải quyết vấn đề,... Ngoài ra các bài học cũng giới thiệu và giúp người học thực hành một số hiện tượng ngữ pháp căn bản trong tiếng Anh như động từ “to be”, thời hiện tại đơn giản, thể hiện khả năng với can/cannot, quá khứ đơn giản, so sánh hơn kém và bậc nhất của tính từ và trạng từ.

HRMG2211 Quản trị thời gian (2TC)

Học phần thuộc khối kiến thức ngành của chương trình đào tạo ngành Quản trị nhân lực. Bao gồm các nội dung chủ yếu sau: Đánh giá quỹ thời gian và cách thức sử dụng thời gian của bản thân, Những nguyên nhân và cách khắc phục sự lãng phí thời gian, Lập kế hoạch quản trị thời gian, giao phó công việc, quản lý thời gian công việc và cá nhân, các công cụ hỗ trợ quản lý thời gian.

CEMG 2911 Quản trị sản xuất (3TC)

Học phần bao gồm các nội dung: Bản chất của sản xuất và quản trị sản xuất; Lịch sử hình thành và xu hướng phát triển của quản trị sản xuất ; Dự báo nhu cầu sản phẩm và các phương pháp dự báo ; Thiết kế sản phẩm; Lựa chọn quá trình sản xuất; Hoạch định công suất; Xác định địa điểm sản xuất của doanh nghiệp; Bố trí mặt bằng sản xuất; Hoạch định nhu cầu nguyên vật liệu; Tổ chức mua nguyên vật liệu; Lập lịch trình sản xuất; Quản trị dự trữ và Quản lý chất lượng trong sản xuất.

FMGM 0211 Quản trị tài chính (3TC)

Học phần này được thiết kế nhằm phát triển các kỹ năng và kiến thức cần thiết để hiểu và thảo luận về các quyết định quản trị tài chính doanh nghiệp. Các chủ đề nghiên cứu chính bao gồm: Tổng quan về quản trị tài chính; Quản trị vốn lưu động; Quản trị tiền và chứng khoán thanh khoản; Quản trị khoản phải thu và Quản trị hàng tồn kho; Quản trị tài trợ ngắn hạn; Quản trị đầu tư dài hạn; Quản trị tài trợ dài hạn; Quản trị tài chính trong một số bối cảnh đặc biệt. Quá trình học đòi hỏi sử dụng máy tính cá nhân và cung cấp cơ hội để phát triển kỹ năng sử dụng các bảng tính tin học văn phòng.

❖ Các học phần tự chọn (3TC) lựa chọn trong các HP sau:

ITOM0511 Quản trị tác nghiệp thương mại quốc tế (3TC)

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về các phương thức giao dịch trong thương mại quốc tế, các điều kiện giao dịch trong thương mại quốc tế, quản trị quá trình giao dịch, đàm phán ký kết hợp đồng thương mại quốc tế và quản trị quy trình thực hiện hợp đồng bao gồm lập kế hoạch thực hiện, tổ chức thực hiện và giám sát, điều hành quy trình thực hiện hợp đồng. Ngoài ra, học phần cung cấp kiến thức về quản trị rủi ro trong tác nghiệp thương mại quốc tế.

BRMG0611 Quản trị thương hiệu 1 (3TC)

Đây là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành, cung cấp những kiến thức cơ bản về thương hiệu và quản trị thương hiệu từ tư duy chiến lược đến thực tiễn triển khai. Các nội dung chủ yếu sẽ được đề cập trong học phần gồm: Các tiếp cận khác nhau về thương hiệu và những yếu tố tác động đến sự phát triển thương hiệu của doanh nghiệp; kiến thức và kỹ năng thiết kế và triển khai hệ thống nhận diện thương hiệu; các biện pháp bảo vệ thương hiệu và kỹ năng xử lý các tình huống tranh chấp thương hiệu; hoạt động truyền thông thương hiệu; định hướng phát triển thương hiệu.

BMGM 0911 Quản trị chất lượng (3TC)

Chất lượng được coi là yếu tố then chốt quyết định lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp. Quản trị chất lượng hiệu quả cũng là hoạt động chính để xây dựng và phát triển thương hiệu. Đây là học phần thuộc khối kiến thức ngành của chương trình đào tạo các ngành quản trị kinh doanh và marketing. Với 8 chương, học phần cung cấp những kiến thức nền tảng và các quan điểm hiện đại về chất lượng và quản trị chất lượng như: các khái niệm về chất lượng và quản trị chất lượng; các yếu tố ảnh hưởng tới chất lượng; đo lường, tính toán chi phí chất lượng; mối quan hệ giữa chất lượng, năng suất và khả năng cạnh tranh của tổ chức; các hoạt động quản trị chất lượng trong tổ chức; các mô hình, phương pháp và công cụ quản trị chất lượng hiện đại, và quản lý nhà nước về chất lượng. Các kỹ năng mà người học có thể rèn luyện được trong suốt quá trình nghiên cứu học phần bao gồm: Kỹ năng lập kế hoạch chất lượng; kỹ năng phân tích, đo lường và đánh giá hệ thống quản trị chất lượng; kỹ năng sử dụng các công cụ và kỹ thuật kiểm soát chất lượng; kỹ năng làm việc theo nhóm....

2.3.3. Thực tập và làm tốt nghiệp khóa học

2.3.3.1. Điều kiện đi thực tập và làm tốt nghiệp khóa học

- Để được đi thực tập tổng hợp sinh viên phải học đầy đủ các học phần trong chương trình đào tạo và tích lũy tối thiểu 104 tín chỉ thuộc chương trình đào tạo của chuyên ngành mà sinh viên đang theo học tính đến thời điểm đi thực tập tổng hợp;

- Để được làm khóa luận tốt nghiệp sinh viên phải học đầy đủ các học phần trong chương trình đào tạo, tích lũy tối thiểu 101 tín chỉ thuộc chương trình đào tạo của chuyên ngành mà sinh viên đang theo học và đạt báo cáo thực tập tổng hợp tính đến thời điểm đi làm khóa luận tốt nghiệp;

2.3.3.2. Quy định về thực tập và làm khóa luận tốt nghiệp

❖ Đối với thực tập tổng hợp

Sinh viên đi thực tập tổng hợp tại các loại hình doanh nghiệp/tổ chức (đơn vị thực tập) theo hướng dẫn của khoa. Tại đơn vị thực tập, sinh viên phải vận dụng các

kiến thức, kỹ năng đã được trang bị theo chuyên ngành đào tạo vào tìm hiểu và tiếp tục học từ thực tiễn hoạt động, kinh doanh của đơn vị thực tập theo lĩnh vực cụ thể của chuyên ngành quản trị nhân lực doanh nghiệp, trực tiếp tham gia vào một số công việc tại bộ phận thực tập theo phân công của đơn vị tiếp nhận thực tập để rèn luyện thực tế và tìm hiểu sâu hơn về các lĩnh vực thuộc chuyên ngành đào tạo ở đơn vị thực tập, phát triển khả năng phát hiện vấn đề từ thực tế kinh doanh của đơn vị thực tập để đề xuất hướng khóa luận tốt nghiệp ở giai đoạn 2 của đợt thực tập và làm tốt nghiệp.

Kết thúc đợt thực tập tổng hợp, sinh viên phải viết Báo cáo thực tập tổng hợp (theo mẫu quy định), trong đó sinh viên phải phát hiện, đề xuất được từ 2-3 vấn đề cần nghiên cứu làm đề tài khóa luận tốt nghiệp. Những vấn đề đặt ra có tính thời sự cấp thiết cần giải quyết tại nơi thực tập và phải phù hợp với chuyên ngành quản trị nhân lực doanh nghiệp.

❖ *Đối với thực tập và làm khóa luận tốt nghiệp*

Sinh viên đủ điều kiện làm khóa luận tốt nghiệp sẽ được giao đề tài làm khóa luận tốt nghiệp. Sinh viên tiếp tục thực tập tại các loại hình doanh nghiệp/tổ chức đã thực tập tổng hợp để hoàn thành khóa luận theo quy định của khoa.

Kết thúc đợt thực tập và làm khóa luận tốt nghiệp, sinh viên phải nộp các sản phẩm sau: (i) Đề cương chi tiết có phê duyệt của giảng viên hướng dẫn; (ii) Bản thảo nội dung khóa luận có bút tích sửa chữa của giảng viên hướng dẫn (được kẹp hoặc đóng lại thành 1 tập theo quy định của khoa); (iii) 2 bản khóa luận chính thức được đóng theo quy định của khoa.

2.4. Hoạt động ngoại khóa

2.4.1. Hoạt động ngoại khóa, phát triển kỹ năng và định hướng nghề nghiệp

Ngoài các giờ học và nghiên cứu khoa học, sinh viên khoa Quản trị nhân lực còn được tham gia nhiều hoạt động ngoại khóa của Khoa và của Trường, đặc biệt là hoạt động của các câu lạc bộ như câu lạc bộ HRC, câu lạc bộ U Xanh, HRC Hà nội, câu lạc bộ thể thao, Hội sinh viên, Các cuộc thi "Nhà quản trị nhân lực: Tâm và Tài"; Tổ chức các buổi tọa đàm của các chuyên gia, nhà quản trị nhân lực thành đạt từ các tổ chức, doanh nghiệp giúp sinh viên rèn luyện và phát triển toàn diện các kỹ năng mềm, phẩm chất nghề nghiệp, hiểu biết thực tế nghề Quản trị nhân lực. Khoa Quản trị nhân lực và Trường Đại học Thương mại luôn chú trọng tổ chức các chương trình hướng nghiệp cho sinh viên với các khách mời là những chuyên gia thực tiễn tại các tổ chức nghề nghiệp nhằm truyền cảm hứng và giúp sinh viên định hướng nghề nghiệp đúng đắn trong tương lai.

2.4.2. Hoạt động NCKH

Là một khoa trực thuộc của Trường đại học định hướng nghiên cứu, sinh viên khoa Quản trị nhân lực luôn được khuyến khích, tạo điều kiện tham gia nghiên cứu khoa học, được khuyến khích cộng điểm rèn luyện hoặc cộng điểm NCKH (0,5 – 1 điểm) vào Khóa luận tốt nghiệp. Hàng năm, khoa Quản trị nhân lực đều thu hút được 20-30 nhóm sinh viên tham gia NCKH, lựa chọn các chủ đề nghiên cứu mới, phù hợp với chuyên ngành, thế mạnh, định hướng nghiên cứu của giảng viên. Hội nghị NCKH sinh viên hàng năm đều được tổ chức với hệ thống các tiêu chí đánh giá khoa học, cụ thể, rõ ràng đảm bảo đánh giá công bằng và khách quan chất lượng các công trình NCKH. Với lòng say mê NCKH và được sự hỗ trợ tích cực của các thầy cô, nhiều nhóm sinh viên đã đạt được các giải cao cấp Bộ, cấp Trường. Thông qua hoạt động NCKH, sinh viên có cơ hội phát triển khả năng tư duy sáng tạo, kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tế và phát huy khả năng tự khám phá tri thức.

2.5. Hướng dẫn chương trình

Chương trình này đã được áp dụng từ năm 2018 cho sinh viên ngành Quản trị nhân lực. Quá trình giảng dạy dựa trên chương trình giảng dạy được thiết kế, yêu cầu nguồn nhân lực và các yêu cầu cụ thể. Tùy thuộc vào định hướng cá nhân, các cố vấn học tập của khoa sẽ khuyên sinh viên chọn các khóa học tự chọn phù hợp.

Trưởng khoa có trách nhiệm tổ chức và hướng dẫn các nguyên tắc xây dựng các giáo trình chi tiết để đảm bảo các mục tiêu, nội dung và yêu cầu được thỏa mãn/hài lòng và đáp ứng nhu cầu của sinh viên và xã hội.

TRƯỞNG KHOA QUẢN TRỊ NHÂN LỰC



PGS, TS. Nguyễn Thị Minh Nhàn